

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 39/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao
thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Xét Tờ trình số 2299/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân

dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo QB, Đài PT - TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Trần Hải Châu

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 39./2022/NQ-HĐND

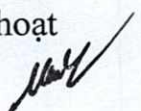
ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ xây mới, cải tạo, sửa chữa; mua sắm trang thiết bị hoạt động và xây dựng tủ sách thư viện Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2022 - 2025 để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các thôn, bản, tổ dân phố chưa có Nhà văn hóa-Khu thể thao.
2. Các thôn, bản, tổ dân phố đã có Nhà văn hóa-Khu thể thao nhưng đã xuống cấp, không cải tạo, sửa chữa được, cần phải xây mới để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
3. Các thôn, bản, tổ dân phố đã có Nhà văn hóa-Khu thể thao nhưng đã xuống cấp, hư hỏng cần cải tạo, sửa chữa để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
4. Các thôn, bản, tổ dân phố chưa có trang thiết bị và tủ sách thư viện hoặc có nhưng hư hỏng, không đồng bộ cần phải trang bị để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
5. Đối tượng quy định tại các khoản 1,2,3 Điều này được chia thành 03 nhóm, gồm:
 - a) Thôn, bản thuộc khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây viết tắt là các thôn, bản thuộc vùng còn khó khăn, đặc biệt khó khăn*);
 - b) Các thôn thuộc vùng nông thôn;
 - c) Các tổ dân phố thuộc vùng đô thị.
6. Không áp dụng Quy định này đối với các thôn, bản, tổ dân phố đã có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn; các thôn, bản, tổ dân phố đang xây dựng và đã được bố trí nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây mới, cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa - Khu Thể thao và đầu tư mua sắm trang thiết bị hoạt động, xây dựng tủ sách thư viện.



Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch.
2. Ưu tiên bố trí nguồn vốn hỗ trợ đối với các thôn, bản thuộc vùng còn khó khăn, đặc biệt khó khăn; các thôn, bản, tổ dân phố chưa có Nhà văn hóa-Khu Thể thao, trang thiết bị hoạt động và tủ sách thư viện; các thôn, bản, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trang thiết bị hoạt động và tủ sách thư viện nhưng xuống cấp, không còn sử dụng được; các thôn, bản, tổ dân phố đăng ký về đích nông thôn mới nhưng chưa hoàn thành tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa; các thôn, bản, tổ dân phố đã xây dựng kế hoạch, được bố trí hoặc huy động được nguồn vốn xây mới; cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa - Khu thể thao, mua sắm trang thiết bị hoạt động và xây dựng tủ sách thư viện.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

- a) Xây mới Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố;
- b) Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố;
- c) Mua sắm trang thiết bị cho Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố.
- d) Xây dựng tủ sách Thư viện cho Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây mới

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản thuộc vùng còn khó khăn, đặc biệt khó khăn: Quy mô xây dựng từ 80 chỗ ngồi trở lên, tổng mức xây dựng tối thiểu 800 triệu đồng/thiết chế; ngân sách tỉnh hỗ trợ 300 triệu đồng/thiết chế;

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn thuộc vùng nông thôn: Quy mô xây dựng từ 100 chỗ ngồi trở lên, tổng mức xây dựng tối thiểu 1,0 tỷ đồng/thiết chế; ngân sách tỉnh hỗ trợ 145 triệu đồng/thiết chế;

Nhà văn hóa - Khu thể thao tổ dân phố thuộc vùng đô thị: Quy mô xây dựng từ 150 chỗ ngồi trở lên, tổng mức xây dựng tối thiểu: 1,3 tỷ đồng/thiết chế; ngân sách tỉnh hỗ trợ 100 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa

Mức cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố tối thiểu 300 triệu đồng/thiết chế, ngân sách tỉnh hỗ trợ:

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản thuộc vùng còn khó khăn, đặc biệt khó khăn: 115 triệu đồng/thiết chế;

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn thuộc vùng nông thôn: 70 triệu đồng/thiết chế;

Nhà văn hóa - Khu thể thao tổ dân phố thuộc vùng đô thị: 50 triệu đồng/thiết chế.

c) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản: Mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự

nghiệp thuộc Ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025;

Nhà văn hóa - Khu thể thao tổ dân phố: 50 triệu đồng/thiết chế.

d) Hỗ trợ xây dựng tủ sách thư viện

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản: Mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025;

Nhà văn hóa - Khu thể thao tổ dân phố: 30 triệu đồng/thiết chế.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 80 tỷ đồng (tám mươi tỷ đồng chẵn), từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh, giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND tỉnh ngày 27/5/2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2)).

(Phương án phân bổ tại phụ lục kèm theo)

b) Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ mức tối thiểu xây mới, cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố và mức hỗ trợ của tỉnh để quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã) xây mới, cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tế địa phương; đảm bảo đến cuối tháng 6 năm 2025 trên địa bàn có 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Kinh phí hỗ trợ sắm trang thiết bị hoạt động và tủ sách thư viện Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố: dự kiến 53,9 tỷ đồng; trong đó: Mua sắm trang thiết bị hoạt động 31,25 tỷ đồng; xây dựng tủ sách thư viện 22,65 tỷ đồng.

a) Nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho tỉnh thực hiện nội dung “Nâng cao đời sống văn hóa của người dân nông thôn”.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho tỉnh thực hiện nội dung “Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa”.

c) Nguồn vốn sự nghiệp văn hóa, thể thao hàng năm của tỉnh.

d) Ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã).

e) Nguồn vốn xã hội hóa hợp pháp khác (nếu có).

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XÂY MỚI, CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ VĂN HÓA-KHU THỂ THAO THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BAN TỈNH QUẢNG BÌNH, GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 39 /NQ-HĐND ngày 10 /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xây mới							Cải tạo, sửa chữa							Tổng cộng	Thời gian thực hiện		
		Vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn (300/NVH-KTT)		Vùng nông thôn (145/NVH-KTT)		Vùng đô thị (100/NVH-KTT)			Cộng	Vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn (115/NVH-KTT)		Vùng nông thôn (70/NVH-KTT)		Vùng đô thị (50/NVH-KTT)				Cộng	
		Số thôn, bản	Số tiền	Số thôn, bản, tổ dân phố	Số tiền	Số thôn, tổ dân phố	Số tiền	Số thôn, bản		Số tiền	Số thôn, bản, tổ dân phố	Số tiền	Số thôn, tổ dân phố	Số tiền					
1	Mình Hóa	25	7,500	38	5,510	2	200	13,210	10	1,150	20	1,400	5	250	2,800	16,010	2022 - 2025		
2	Tuyên Hóa	3	900	5	725	0	0	1,625	0	0	38	2,660	8	400	3,060	4,685	2022 - 2025		
3	Quảng Trạch	5	1,500	29	4,205	0	0	5,705	0	0	0	0	0	0	5,705	2022 - 2025			
4	Ba Đồn	0	0	23	3,335	8	800	4,135	0	0	6	420	14	700	1,120	5,255	2022 - 2025		
5	Bố Trạch	22	6,600	108	15,660	15	1,500	23,760	3	345	41	2,870	4	200	3,415	27,175	2022 - 2025		
6	Đồng Hới	0	0	14	2,030	37	3,700	5,730	0	0	0	0	0	0	5,730	2022 - 2025			
7	Quảng Ninh	9	2,700	12	1,740	1	100	4,540	4	460	5	350	1	50	860	5,400	2022 - 2025		
8	Lệ Thủy	9	2,700	34	4,930	1	100	7,730	0	0	33	2,310	0	0	2,310	10,040	2022 - 2025		
	Tổng cộng:	73	21,900	263	38,135	64	6,400	66,435	17	1,955	143	10,010	32	1,600	13,565	80,000			

Giao HĐND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi tiết